

Module/môn: Quản trị bán hàng	Số hiệu assignment: 1/1	% điểm: 60%
Người điều phối của FPT Polytechnic: Lê Thị Ngọc Anh	Ngày ban hành:	
Bài assignment này đòi hỏi sinh viên phải dùng khoảng 48h làm để hoàn thành		
Chuẩn đầu ra môn học: LO1: Xác định được các thuộc tính và các giai đoạn của dự án LO2: Giải thích được cách thức hình thành ý tưởng dự án và cách lựa chọn dự án phù hợp với doanh nghiệp hay môi trường tổ chức. LO3: Vận dụng được cách xây dựng hồ sơ dự án một cách đơn giản bao gồm: hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu. LO4: Xây dựng được các kỹ năng cần thiết trong việc lập kế hoạch và hoạt động liên quan đến kiểm soát thực hiện dự án bao gồm: cách xác định phạm vi, chất lượng, trách nhiệm và trình tự công việc; cách thức kiểm soát và thực hiện dự án (về lập lịch trình, sử dụng nguồn lực, ngân sách, rủi ro...) LO5: Xác định được các công việc cần thực hiện trong giai đoạn kết thúc dự án bao gồm: thanh toán, lưu trữ tài liệu, bài học kinh nghiệm, giao tiếp trong dự án...		

Gian lận là hình thức lấy bài làm của người khác và sử dụng như là mình làm ra. Hình thức đó bao gồm những hành động như: copy thông tin trực tiếp từ trang web hay sách mà không ghi rõ nguồn tham khảo trong tài liệu; gửi bài assignment làm chung như là thành quả cá nhân; copy bài assignment của các sinh viên khác cùng khóa hay khác khóa; ăn trộm hay mua bài assignment của ai đó và gửi lên như là sản phẩm mình làm ra. Những sinh viên bị nghi ngờ gian lận sẽ bị điều tra và nếu phát hiện là có gian lận thì sẽ phải chịu các mức phạt theo quy định của Nhà trường.

Mọi tài nguyên copy hay điều chế từ bất cứ nguồn nào (VD: Internet, sách) phải được đặt trong cặp dấu nháy kép và in nghiêng, với thông tin tham khảo đầy đủ về nguồn tài liệu.

Bài làm của bạn sẽ được đưa vào phần mềm kiểm tra gian lận. Mọi hình thức cố tình đánh lừa hệ thống phát hiện gian lận sẽ bị coi là Vi phạm quy định thi cử.

Quy định nộp bài assignment

- Một bản mềm kết quả bài làm assignment của bạn phải được upload trước nửa đêm (giờ địa phương) vào ngày hạn nộp. **Quá hạn nộp hệ thống sẽ khóa lại và sinh viên không còn quyền nộp bài.**
- Phiên bản upload lên cuối cùng sẽ được chấm điểm. Sinh viên có quyền upload đề file nhiều lần trước khi hết hạn nộp.
- Tất cả những file tài liệu văn bản phải để ở dạng file gốc chứ không file dạng file được xuất ra từ định dạng khác (ví dụ pdf được xuất từ doc). Không được gửi tài liệu văn bản dưới dạng ảnh chụp.
- Đối với bài assignment này bạn cũng phải đưa các bằng chứng hay sản phẩm khác vào trong file nén dạng zip.
- Kích thước file cần tuân thủ theo giới hạn trên hệ thống nộp bài (thông thường là <50M).
- Hãy đảm bảo các file được upload lên không bị nhiễm virus (**điều này có thể dẫn đến file bị hệ thống xóa mất**) và không đặt mật khẩu mở file. Nếu vi phạm những điều này, bài coi như chưa được nộp.
- Hãy chú ý xem thông báo sau khi upload để chắc chắn bài của bạn đã được nộp lên hệ thống chưa.
- Bạn không phải gửi lại file đề bài của assignment (file này).

Quy định đánh giá bài assignment

1. Sinh viên không có bài assignment trên hệ thống sẽ bị 0 điểm bài assignment.
2. Sau hạn nộp bài một tuần, sinh viên nộp muộn có quyền nộp đơn kiến nghị xin được chấp nhận gia hạn nộp. Hội đồng Nhà trường sẽ xét duyệt từng trường hợp. Nếu kiến nghị không được chấp nhận, bài giữ nguyên điểm 0. Nếu quá một tuần không có kiến nghị thì bài cũng sinh viên không nộp mặc nhiên nhận điểm 0.
3. Ngay cả trường hợp bài của sinh viên bị phát hiện gian lận sau khi có điểm, sinh viên sẽ không được công nhận bài đó và chịu mức kỷ luật như quy định của Nhà trường.

=====

Assignment

Chuẩn đầu ra của Assignment	LO1: Xây dựng được ý tưởng hình thành dự án và xây dựng các tiêu chí đánh giá thành công của dự án LO2: Xây dựng được kế hoạch phân rã công việc LO3: Lập được lịch trình thực hiện dự án tối ưu với nguồn lực giới hạn
------------------------------------	---

	LO4: Lập được ngân sách thực hiện dự án và đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí dự án. LO5: Quản lý được các rủi ro đối với dự án LO6: Đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm cho dự án
Các công cụ cần có	Internet, máy tính
Tài nguyên	Giáo trình và tài nguyên môn học
Tham khảo	Tìm kiếm trên internet/website của doanh nghiệp
Số trang yêu cầu	Tối thiểu 6 trang giấy A4

ĐẶT VẤN ĐỀ

Assignment môn Quản trị dự án kinh doanh yêu cầu sinh viên làm việc theo nhóm (3 đến 5 người) xây dựng kế hoạch, lập lịch trình thực hiện và kiểm soát một dự án cụ thể. Các nhóm cần nêu rõ ý tưởng hình thành dự án, mục tiêu của dự án, nội dung chi tiết của dự án (thời gian thực hiện, nguồn lực thực hiện, chi phí của dự án và kiểm soát rủi ro).

Nội dung cụ thể như sau:

1. *Mô tả tổng quan về dự án.*
2. *Lập kế hoạch phân rã công việc và lập lịch trình thực hiện dự án*
3. *Lập kế hoạch kiểm soát chi phí và rủi ro cho dự án*
4. *Đánh giá tổng kết dự án*

Các công việc yêu cầu cụ thể như sau:

N1- Tổng quan về dự án

1. Giới thiệu chung về dự án
 - Tên dự án.
 - Địa điểm thực hiện dự án
 - Thời gian thực hiện dự án
 - Tổng vốn đầu tư
 - Các bên liên quan
 - Đặc điểm của dự án

2. Xác định dự án

- Ý tưởng hình thành dự án
- Các tiêu chí đánh giá sự thành công của dự án

N2- Lập kế hoạch phân rã công việc và lập lịch trình thực hiện dự án

1. Xác định phạm vi, trách nhiệm và trình tự công việc:

- Xác định mục tiêu dự án
- Xác định phạm vi dự án
- Thiết lập cấu trúc phân chia công việc
- Xác định hạng mục công việc và phân công nhiệm vụ
- Xác định trình tự công việc
- Thiết lập sơ đồ mạng công việc

2. Lập lịch trình thực hiện dự án:

- Lập lịch trình khung thời gian thực hiện dự án:
 - o Ước tính nguồn lực thực hiện dự án
 - o Ước tính khung thời gian thực hiện dự án
 - Ước tính thời gian thực hiện các gói công việc
 - Lập mốc thời điểm bắt đầu và kết thúc dự án
 - o Lập lịch trình thực hiện dự án
 - Xác định thời gian bắt đầu, kết thúc muộn nhất và sớm nhất cho các công việc
 - Xác định lịch trình thực hiện dự án: Lập bảng lịch trình công việc cho dự án
 - Lập sơ đồ mạng công việc biểu diễn đường Găng
- Lập lịch trình sử dụng nguồn lực giới hạn cho dự án:
 - o Lập yêu cầu về nguồn lực cho mỗi gói công việc
 - o Sử dụng phương pháp lặp để lập lịch trình dự án với nguồn lực giới hạn

N3- Lập kế hoạch kiểm soát chi phí và rủi ro cho dự án.

1. Xác định chi phí, ngân sách và giá trị thu được của dự án:

- Ước tính các chi phí cho mỗi gói công việc của dự án
- Tính tổng chi phí dự toán của dự án (TBC)

- Xác định chi phí dự toán tích lũy của dự án (CBC)
 - Giả sử dự án thực hiện trong 12 tháng. Đến hết tháng thứ 6, tỷ lệ hoàn thành các gói công việc của dự án là 55%. Hãy tính giá trị thu được tích lũy (CEV) của dự án ở cuối tháng thứ 6.
2. Lập kế hoạch kiểm soát rủi ro.
- Xác định rủi ro: Lập danh sách các rủi ro có thể có của dự án
 - Đánh giá rủi ro: Lập ma trận đánh giá rủi ro của dự án
 - Lập kế hoạch ứng phó với các rủi ro trên

N4- Đánh giá tổng kết dự án

1. Đánh giá hiệu quả thực hiện dự án.
- Giả sử đến thời điểm kết thúc dự án:
 - o Các công việc của dự án hoàn thành 100%.
 - o Chi phí thực tế tích lũy tại thời điểm hoàn thành dự án là 95% chi phí dự toán.
 - Hãy đánh giá hiệu quả chi phí của dự án.
2. Rút ra bài học kinh nghiệm quản lý dự án.

ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ASSIGNMENT

- Giai đoạn 1: Sinh viên nộp trên LMS sản phẩm (N1) và (N2) của assignment.
- Giai đoạn 2: Sinh viên nộp trên LMS sản phẩm (N3) và (N4) của assignment.

THANG ĐÁNH GIÁ

1. Tổng điểm đánh giá quá trình: 20%

- Đánh giá quá trình giai đoạn 1: 10%
- Đánh giá quá trình giai đoạn 2: 10%

2. Tổng điểm bảo vệ assignment: 40%

- Bản mềm assignment: 10%
- Thuyết trình bảo vệ: 30%

BẢNG 1: ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG SẢN PHẨM THEO TỪNG GIAI ĐOẠN
(Thang điểm 10)

Sản phẩm	8<=Điểm <=10	5=<Điểm <8	Điểm <5
N1 (20%)	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp đầy đủ, rõ ràng và các thông tin chung về dự án - Nêu được một cách rõ ràng, thuyết phục ý tưởng hình thành dự án. - Nêu được các tiêu chí đánh giá thành công của dự án một cách đầy đủ, hiệu quả, chính xác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu từ 1-2 mục thông tin chung về dự án - Nêu được ý tưởng hình thành dự án nhưng chưa đủ chi tiết, rõ ràng. - Nêu được các tiêu chí đánh giá thành công của dự án nhưng sơ sài hoặc không hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu ít nhất 3 mục thông tin chung về dự án - Mô tả được dự án nhưng không nêu được nguồn gốc ý tưởng hình thành dự án. - Không đưa ra được tiêu chí đánh giá thành công của dự án.
N2 (30%)	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục tiêu, phạm vi, trách nhiệm và lập được sơ đồ mạng công việc một cách logic, rõ ràng, chính xác. - Ước tính được nguồn lực thực hiện dự án một cách đầy đủ và chính xác. - Lập được sơ đồ mạng công việc biểu diễn đường Găng một cách chính xác. - Sử dụng được phương pháp lập để lập lịch trình dự án tối ưu với nguồn lực giới hạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục tiêu, phạm vi, trách nhiệm nhưng lập sơ đồ mạng công việc không logic, không chính xác. - Ước tính thiếu 2-3 nguồn lực thực hiện dự án. - Lập được sơ đồ mạng công việc biểu diễn đường Găng nhưng có sai lệch hoặc không chính xác. - Sử dụng phương pháp lập để lập lịch trình dự án với nguồn lực giới hạn nhưng chưa tối ưu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không xác định được mục tiêu, phạm vi, trách nhiệm và không lập được sơ đồ mạng công việc. - Ước tính thiếu từ 4 nguồn lực thực hiện dự án trở lên - Không lập được sơ đồ mạng công việc biểu diễn đường Găng. - Không sử dụng được phương pháp lập để lập lịch trình dự án với nguồn lực giới hạn.
N3 (30%)	<ul style="list-style-type: none"> - Ước tính được chi phí cho mỗi gói công việc một cách đầy đủ, chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Ước tính được chi phí cho mỗi gói công việc nhưng 	<ul style="list-style-type: none"> - Ước tính chi phí nhưng thiếu từ 4 gói công việc trở

Sản phẩm	8<=Điểm <=10	5=<Điểm <8	Điểm <5
	<p>xác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính toán được chính xác các giá trị tổng chi phí dự toán của dự án, chi phí dự toán tích lũy và giá trị thu được tích lũy của dự án. - Xác định được các rủi ro cơ bản của dự án, lập được ma trận đánh giá rủi ro và lập được kế hoạch giải quyết triệt để các rủi ro đã nêu. 	<p>chưa đầy đủ, và chưa phù hợp với mức giá thị trường chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được giá trị tổng chi phí dự toán của dự án, chi phí dự toán tích lũy và giá trị thu được tích lũy nhưng còn sai từ 1 – 2 điểm trong chuỗi giá trị. - Xác định thiếu từ 1 - 2 rủi ro cơ bản của dự án, lập được ma trận đánh giá rủi ro, kế hoạch giải quyết rủi ro nhưng sơ sài, chưa giải quyết triệt để. 	<p>lên, hoặc không ước tính được chi phí cho các gói công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tính được các giá trị tổng chi phí dự toán của dự án, chi phí dự toán tích lũy và giá trị thu được tích lũy. - Không xác định được các rủi ro của dự án, không lập được ma trận đánh giá rủi ro và không được ra được kế hoạch giải quyết rủi ro.
N4 (20%)	<ul style="list-style-type: none"> - Tính toán đánh giá hiệu quả sử dụng chi phí của dự án một cách chính xác. - Nêu ra được các bài học kinh nghiệm thể hiện khả năng quản trị dự án thành công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tính toán đánh giá hiệu quả chi phí của dự án nhưng thiếu cơ sở, chưa chính xác. - Nêu ra được một số bài học kinh nghiệm cơ bản nhưng còn sơ sài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không tính hiệu quả chi phí của dự án. - Không nêu ra bài học kinh nghiệm từ dự án.

BẢNG 2: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ASSIGNMENT (Thang điểm 10)

Tiêu chí	8<=Điểm <=10	5=<Điểm <8	Điểm <5
1. Độ rõ ràng về mục tiêu của	Các mục tiêu của assignment được trình bày một cách rõ ràng. Động lực theo đuổi	Các mục tiêu của assignment được trình bày chưa rõ ràng. Động lực theo đuổi assignment và	Các mục tiêu của assignment bị thiếu sót hoặc không chính xác. Có ít hoặc

Tiêu chí	8<=Điểm <=10	5=<Điểm <8	Điểm <5
<i>assignment</i> (15%)	assignment và sự phù hợp của assignment được thiết lập một cách rõ ràng và thuyết phục bằng cách liên hệ assignment đến các vấn đề thực tiễn.	sự phù hợp của assignment được đề cập. Việc thảo luận là khá rõ ràng nhưng tính thuyết phục chưa cao do chưa liên hệ nhiều đến các vấn đề thực tiễn.	hầu như không có sự thảo luận nào về động lực và sự thích hợp của assignment. Người đọc bị mơ hồ về bản chất của assignment và tại sao nó cần được tiến hành.
2. Tính hoàn thiện của sản phẩm (N1-N4) (30%)	Các sản phẩm (N1-N4) đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo góp ý của giảng viên hướng dẫn trong 2 giai đoạn đánh giá, và đáp ứng đúng yêu cầu đặt ra của sản phẩm N1, N2, N3 và N4 theo bảng 1.	Các sản phẩm (N1-N4) đã được chỉnh sửa và hoàn thiện theo góp ý của giảng viên hướng dẫn trong 2 giai đoạn đánh giá. Tuy nhiên, chỉ mới 2/4 sản phẩm đáp ứng đúng yêu cầu của assignment theo bảng 1.	Các sản phẩm (N1-N4) đã được chỉnh sửa và hoàn thiện nhưng không theo góp ý của giảng viên hướng dẫn trong 2 giai đoạn đánh giá. Ngoài ra không có sản phẩm nào đáp ứng được các yêu cầu của assignment theo bảng 1.
3. Tính logic của sản phẩm (N1-N4)(15%)	Các sản phẩm N1-N4 trong báo cáo đều thể hiện tính liên kết chặt chẽ về mặt nội dung.	Chỉ có 2/4 sản phẩm thể hiện tính liên kết chặt chẽ về mặt nội dung.	Sản phẩm N1- N4 đều rời rạc và thiếu tính liên kết về mặt nội dung.
4. Cấu trúc báo cáo (8%)	Báo cáo được xây dựng theo hình thức báo cáo assignment tiêu chuẩn (ví dụ: tóm tắt assignment, phần tổng quan giới thiệu, các phương pháp tiến hành, kết quả, phân tích và kết luận). Phần tóm tắt được trình bày đầu tiên làm cho người đọc dễ dàng theo dõi phần còn lại của báo cáo.	Các yếu tố quan trọng của một báo cáo assignment tiêu chuẩn đều hiện diện, tuy nhiên chúng vẫn còn được xây dựng dưới dạng hình thức phi tiêu chuẩn. Ngoài ra, trình tự các ý tưởng được trình bày đôi chỗ còn gây khó hiểu cho người đọc.	Các yếu tố quan trọng của một báo cáo assignment tiêu chuẩn không được trình bày hoặc trình bày không đạt yêu cầu (về hình thức và trình tự).
5. Năng lực phân tích (8%)	Các kết quả được phân tích một cách cẩn thận, khoa học và khách quan. Các phần giải	Phân tích chi tiết đủ để hỗ trợ người học hiểu nhưng chúng không được làm nổi bật thông qua việc sử	Phân tích quá sơ sài và không đầy đủ dẫn đến người đọc không thể đánh giá

Tiêu chí	8<=Điểm <=10	5<=Điểm <8	Điểm <5
	thích được tạo ra thông qua việc sử dụng các công thức, mô hình hay các lý thuyết phù hợp.	dụng các công thức, mô hình hay các lý thuyết phù hợp.	được giá trị của các phần giải thích các kết quả.
6. Sử dụng ngôn ngữ: cách dùng từ, và cấu trúc câu (8%)	Các câu hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp và chúng kết hợp lại với nhau một cách nhịp nhàng. Các từ được chọn lọc chính xác theo ý nghĩa riêng của nó.	Đối với các phần chính, các câu hoàn chỉnh và đúng ngữ pháp và chúng kết hợp lại với nhau một cách nhịp nhàng. Các lỗi bất kỳ trong báo cáo đều nhỏ và không làm người đọc xao nhãng. Việc lặp lại các từ và cụm từ giống nhau đều được hạn chế tối đa.	Các lỗi trong cấu trúc câu và ngữ pháp xuất hiện thường xuyên đến nỗi làm xao nhãng người đọc và còn gây nhiều ý nghĩa của báo cáo. Trong báo cáo này, người viết thể hiện sai sót khi lặp lại các từ và cụm từ giống nhau không cần thiết quá nhiều lần.
7. Sử dụng hình vẽ: Đồ thị, biểu đồ và bản vẽ (8%)	Tất cả hình vẽ, đồ thị, biểu đồ và bản vẽ là chính xác, nhất quán và có chất lượng tốt. Chúng thúc đẩy sự hiểu biết về nội dung văn bản. Tất cả hình vẽ được đánh dấu một cách chính xác tương ứng với các tiêu chuẩn và được tham chiếu đến trong văn bản.	Phần lớn các hình vẽ, đồ thị, biểu đồ và bản vẽ là chính xác, nhất quán và có chất lượng tốt. Chúng được đánh dấu một cách chính xác tương ứng với các tiêu chuẩn và được tham chiếu đến trong văn bản.	Các hình vẽ, đồ thị, biểu đồ và bản vẽ có chất lượng kém, thiếu chính xác, đánh dấu nhầm hoặc bị thiếu sót. Không có văn bản giải thích tương ứng hoặc lại có sự dư thừa văn bản giải thích hình vẽ.
8. Định dạng về mặt trực quan: Sử dụng khoảng trống và màu sắc trong văn bản (8%)	Văn bản lôi cuốn về mặt thị giác. Không gian trắng và màu sắc được áp dụng một cách phù hợp để tách rời các khối văn bản và thêm sự nhấn mạnh. Người đọc có thể định hướng tài liệu một cách dễ dàng.	Sử dụng các không gian trắng và màu sắc giúp người đọc định hướng tài liệu mặc dù bố cục văn bản vẫn có thể được hoàn thiện hiệu quả và lôi cuốn hơn.	Tài liệu không có sự lôi cuốn về mặt thị giác và có ít “gợi ý” giúp người đọc định hướng tài liệu.

BẢNG 3: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THUYẾT TRÌNH ASSIGNMENT (Thang điểm 10)

Tiêu chí	8<=Điểm <=10	5<=Điểm <8	Điểm <5
1.Nội dung trình bày	Bao gồm đầy đủ nội	Đáp ứng được từ	Đáp ứng dưới 50%

(25%)	dung chính của báo cáo và đáp ứng được các yêu cầu của sản phẩm từ N1- N4 trên bảng 1.	50% - 70% nội dung chính của báo cáo và đáp ứng được các yêu cầu khoảng 50-70% chất lượng sản phẩm từ N1 – N4 trên bảng 1.	nội dung chính của báo cáo và đáp ứng được các yêu cầu < 50% chất lượng sản phẩm từ N1- N4 trên bảng 1.
2. Tính logic về thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm trình bày (10%)	Các phần thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm đáp ứng khoảng 80 – 100% về tính logic, sự liên kết và tính mạch lạc.	Các phần thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm đáp ứng khoảng 50 – 70% về tính logic, sự liên kết và tính mạch lạc.	Các phần thuyết trình giữa các thành viên trong nhóm đáp ứng dưới 50% về tính logic, sự liên kết và tính mạch lạc.
3. Trả lời câu hỏi phản biện (25%)	Sinh viên trả lời đúng từ 80 - 100% các câu hỏi mà hội đồng đánh giá Assignment đưa ra.	Sinh viên trả lời đúng từ 50% - 70% các câu hỏi mà hội đồng đánh giá Assignment đưa ra.	Sinh viên chỉ trả lời đúng < 50% câu hỏi do hội đồng đánh giá Assignment đưa ra.
4. Slide (15%)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh trong slide trình bày rõ ràng và có tính thẩm mỹ cao. - Hình ảnh trực tiếp minh họa và hỗ trợ nội dung trình bày. - Slide trình bày hợp lý, nêu được ý chính, không quá nhiều/ít chữ trên 1 slide. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung hình ảnh phù hợp nhưng cần cải thiện thêm (quá ít hoặc quá nhiều thông tin được thể hiện). - Mối liên hệ giữa hình ảnh và nội dung nói chung là có nhưng không rõ ràng. - Trình bày đầy đủ nội dung nhưng có vài slide quá nhiều chữ làm khán giả phân tâm hoặc quá ít chữ để khán giả hiểu được nội dung của slide. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh rất tệ về truyền tải thông điệp, nội dung, không rõ hoặc không cần thiết. - Mối liên hệ giữa hình ảnh và nội dung không rõ ràng. - Hầu như không thể hiện được nội dung chính, hoặc quá nhiều chữ làm khán giả phân tâm hoặc quá ít chữ để khán giả hiểu được nội dung của slide.
5. Thời gian trình bày (10%)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng từ 4-5 phút/SV. - Trình bày đầy đủ nội dung, nhịp nhàng theo thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoảng 3 – 4 phút/SV. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 3 phút hoặc trên 5 phút/SV.
6. Phong cách	- Giao tiếp bằng mắt	- Chỉ nhìn lướt qua	- Nhìn vào nơi nào

trình (15%)	bày	<p>với số đông khán giả trong thời gian trình bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói chậm rãi dễ dàng cho khán giả lắng nghe và theo kịp nội dung trình bày, phát âm rõ ràng, dừng đúng nơi đúng lúc. - Không đứng che màn chiếu để khán giả có thể thấy toàn bộ nội dung trên màn chiếu trong toàn bộ thời gian. 	<p>mắt một khán giả hoặc nhìn chăm chăm vào một ai đó, đôi khi chỉ nhìn vào màn hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhìn chung nói đủ chậm, đủ to và đủ rõ nhưng thỉnh thoảng nói vấp và không trôi chảy. - Thỉnh thoảng sinh viên che màn chiếu nhưng nhìn chung khán giả có thể thấy được. 	<p>đó (trần nhà, sàn nhà, góc phòng) hay nhìn chăm chăm vào màn hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nói không trôi chảy và giọng điệu không phù hợp. - Đứng che màn chiếu hơn một nửa thời gian trình bày
----------------	-----	--	---	--